

Biểu số: 003.Q/BCC-XDĐT

Ban hành theo.....

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17 tháng cuối quý báo cáo

BÁO CÁO ƯỚC TÍNH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN - Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê

PHÂN THEO NGUỒN VỐN VÀ

KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ

(Giá hiện hành)

- Đơn vị nhận báo cáo:

Tổng cục Thống kê

Quý..... năm.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện quý trước quý báo cáo	Dự tính quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo
A	B	1	2	3
TỔNG SỐ (01 = 02 + 29 + 34 = 43 + 49 + 50 + 51 + 52)	01			
A. PHÂN THEO NGUỒN VỐN				
I. Vốn nhà nước trên địa bàn (02=03+04+05+08+09+10)	02			
- Ngân sách nhà nước (03=12+21)	03			
- Trái phiếu Chính phủ (04=13+22)	04			
- Tín dụng đầu tư phát triển (05=06+07)	05			
+ Vốn trong nước (06=15+24)	06			
+ Vốn nước ngoài (ODA) (07=16+25)	07			
* Vốn vay từ các nguồn khác (08=17+26)	08			
- Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước (09=18+27)	09			

- Vốn khác (10=19+28)	10			
Chia ra:				
1. Vốn Trung ương quản lý (11=12+13+14+17+18+19)	11			
a. Ngân sách nhà nước	12			
b. Trái phiếu Chính phủ	13			
c. Tín dụng đầu tư phát triển (14=15+16)	14			
- Vốn trong nước	15			
- Vốn nước ngoài (ODA)	16			
d. Vốn vay từ các nguồn khác	17			
e. Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước	18			
f. Vốn khác	19			
2. Vốn địa phương quản lý (20=21+22+23+26+27+28)	20			
a. Ngân sách nhà nước	21			
b. Trái phiếu Chính phủ	22			
c. Tín dụng đầu tư phát triển (23=24+25)	23			
- Vốn trong nước	24			
- Vốn nước ngoài (ODA)	25			
d. Vốn vay từ các nguồn khác	26			
e. Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước	27			
f. Vốn khác	28			

II. Vốn ngoài nhà nước (29=30+33)	29			
1. Vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước (30=31+32)	30			
- Vốn tự có	31			
- Vốn khác	32			
2. Vốn đầu tư của dân cư	33			
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (34=35+38)	34			
1. Vốn tự có (35=36+37)	35			
- Bên Việt Nam	36			
- Bên nước ngoài	37			
2. Vốn vay (38=39+40)	38			
- Bên Việt Nam	39			
- Bên nước ngoài	40			
B. PHÂN THEO KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ				
<i>Trong đó: + Nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước</i>	41			
<i>+ Chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất</i>	42			
1. Đầu tư xây dựng cơ bản (43=44+45+46)	43			
Chia ra:				
- Xây dựng và lắp đặt	44			
- Máy móc, thiết bị	45			

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác	46			
<i>Trong đó:</i>				
+ Chi đền bù, giải phóng mặt bằng	47			
+ Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất	48			
2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản	49			
3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ	50			
4. Bổ sung vốn lưu động dưới dạng hiện vật bằng vốn tự có	51			
5. Đầu tư khác	52			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người duyệt biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng năm
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguồn: Thông tư 01/2019/TT-BKHĐT